

Bản án số: 23/2018HS-ST
Ngày 22 - 6 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũng.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Sửu;

Ông Nguyễn Hoàng Tâm;

Ông Trịnh Hưng Biên.

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Quang- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Đức C**, sinh năm 1987; tên gọi khác: không.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Số nhà 10, ngõ 17, đường Y, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lái xe taxi; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đức H, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952; gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là thứ tư; có vợ là Nguyễn Thị A, sinh năm 1990; có 1 con, sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 30/9/2017, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo:

Ông Giáp Văn Đ- Luật sư thuộc Công ty Luật F- Đoàn luật sư tỉnh Bắc Giang.
(Có mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm Đức H, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Số 10, ngõ 17 đường Y, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

2. Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 10, ngõ 17 đường Y, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

3. Chị Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1976. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, cụm 2, phường H, quận T, thành phố Hà Nội.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Phạm Xuân T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số 18 L, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 7, dãy H4, tập thể Đ, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

3. Nguyễn Đức T, sinh năm 1982. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 20 giờ 50 phút ngày 29/9/2017, tại đường quốc lộ 31, ngã tư Cây xăng thuộc thôn Đ, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố B, tỉnh Bắc Giang bắt quả tang Phạm Đức C, sinh năm 1987, trú quán tại số nhà 10, ngõ 17, đường Y, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương đang tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ dưới nền đường quốc lộ 31 gồm:

- 02 (hai) túi ni lon màu trắng, một đầu có rãnh khóa bằng nhựa viền màu cam, bên trong mỗi túi đều đựng chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy tổng hợp, được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu “Số 01”; 01 (một) vỏ bao thuốc lá “555” bên trong đựng 01 (một) gói giấy màu trắng, bên ngoài gói giấy được quấn bằng băng dính màu đen, bên trong gói giấy đựng 01 (một) túi ni lon màu xanh, một đầu có rãnh khóa bằng nhựa, bên trong đựng 50 viên nén hình tròn màu hồng đỏ, trên một mặt của mỗi viên nén đều có chữ “WY, nghi là ma túy tổng hợp, được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu “Số 02”; 01 (một) túi ni lon màu đen, mặt ngoài có chữ và số bên trong đựng 03 (ba) túi ni lon màu trắng, đều có đặc điểm một đầu có rãnh khóa nhựa và viền màu cam được hàn kín, bên trong mỗi túi đều đựng chất tinh thể màu trắng, nghi là ma túy tổng hợp, được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu “Số 03”.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ của C: 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung màu trắng, màn hình bị vỡ có số Imei dãy cuối là 2456687; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, Imei ba số cuối là 180; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu hồng đỏ có Imei 1: 351873/07/935114/9; 01 túi đeo bằng da màu

đen; 01 dao nhọn bằng kim loại; 71.000.000 đồng tiền Việt Nam và 01 ví da bên trong có 02 thẻ Ngân hàng, 02 giấy phép lái xe; 01 thẻ bảo hiểm y tế đều mang tên Phạm Đức C. (bút lục số 01-04; 68 và 176)

Ngày 30/9/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Bắc Giang tiến hành trưng cầu giám định số vật chứng nghi ma túy tổng hợp thu giữ của C. Tại Kết luận giám định số 1475/KL- PC54 ngày 02/10/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, kết luận:

+ Trong phong bì có ký hiệu “Số 01” đã được niêm phong gửi giám định: Tinh thể màu trắng đựng trong 02 (hai) túi ni lon màu trắng, một đầu của mỗi túi đều có rãnh khóa bằng nhựa và viên màu cam đều là chất ma túy Methamphetamine, có tổng trọng lượng (khối lượng): 158,876 gam.

+ Trong phong bì có ký hiệu “Số 02” được niêm phong gửi giám định: Trong 01 (một) vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu “555”: 50 (năm mươi) viên nén hình tròn, màu hồng đỏ, trên một mặt của mỗi viên đều có ký hiệu “WY” (được đựng trong 01 (một) túi ni lon màu xanh, một đầu của mỗi túi có rãnh khóa bằng nhựa; gói bọc ngoài bằng giấy màu trắng, bên ngoài gói giấy được quấn bằng băng dính màu đen) đều là chất ma túy Methamphetamine, có tổng trọng lượng (khối lượng): 4,943 gam.

+ Trong phong bì có ký hiệu “Số 03” đã được niêm phong gửi giám định: Tinh thể màu trắng đựng trong 03 (ba) túi ni lon màu trắng, một đầu của mỗi túi đều có rãnh khóa bằng nhựa và viên màu cam đều là chất ma túy Methamphetamine, có tổng trọng lượng (khối lượng): 240,441 gam. (bút lục 71-72)

Quá trình điều tra Phạm Đức C khai nhận về diễn biến hành vi phạm tội như sau:

Trước ngày bị bắt khoảng hơn 01 tháng, trong một lần chở khách từ thành phố H, tỉnh Hải Dương lên thành phố B, tỉnh Bắc Giang, C gặp và quen biết một người đàn ông giới thiệu tên là T (không rõ địa chỉ ở đâu) tại một quán cà phê ở thành phố B. Qua câu chuyện, C biết T có ma túy đá bán nên hai bên cho nhau số điện thoại để khi nào C có nhu cầu cần mua ma túy thì liên lạc với T.

Buổi trưa ngày 29/9/2017, C có ý định mua ma túy để sử dụng nên C đã điện thoại cho T hỏi "có ma túy tổng hợp không bán cho C 500 gam". T trả lời "có". C bảo T tý nữa C đi Lạng Sơn chơi sẽ qua Bắc Giang lấy ma túy. T đồng ý và hẹn C khi nào lên đến ngã tư cây xăng Kế, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang thì điện thoại cho T. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, C đi xe khách từ thành phố H lên thành phố B. Khi đi đến địa phận tỉnh Bắc Ninh thì C nhận được điện thoại của T hỏi lên đến nơi chưa. C trả lời "chưa". T bảo C khi nào đến nơi T sẽ cho người ra đón, đồng thời T cho C số điện thoại người đón để C liên lạc. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, C xuống xe ở khu vực gần cây xăng Kế, phường D, thành phố B và điện thoại theo số điện T cho C trước đó bảo ra đón C. Khoảng 15 phút sau thì có một người thanh niên đi xe mô tô nhãn hiệu Airblade đến gặp C giới thiệu là em của T. Sau đó, người thanh niên này đưa C đến phòng 207 nhà nghỉ C trên quốc lộ 31 thuộc thôn Đ, xã D, thành phố B. Tại đây, C hỏi người thanh niên "ma túy đâu" thì người này bảo C đợi và lấy điện thoại điện cho T. C bảo người thanh niên đưa điện thoại cho C nói chuyện với T, qua điện thoại C và T thỏa thuận giá mua ma túy là

37 triệu đồng/01 lạng, C chưa có tiền trả, khi nào C đi Lạng Sơn về sẽ trả sau. T đồng ý. Sau khi nói chuyện với T xong, người thanh niên bảo C ngồi đợi và đi ra ngoài. Khoảng 30 phút sau, người thanh niên đó quay lại đưa cho C một túi ni lon màu đen và bảo ma túy ở trong túi rồi đi luôn. C nhận túi ma túy rồi mở ra xem thì thấy bên trong có 05 túi ni lon màu trắng đều đựng tinh thể màu trắng và một vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu “555”, bên trong có 01 túi ni lon màu xanh chứa các viên nén màu hồng đỏ. Kiểm tra xong, C xách túi ma túy đi xuống đường để đón xe taxi đi Lạng Sơn. Khi C đang đứng đợi xe thì bị lực lượng Công an đến kiểm tra, C sợ nên đã thả túi ma túy xuống đường rồi bỏ chạy được khoảng 20m thì bị bắt. Lực lượng Công an đưa C quay lại nơi thả túi ma túy, tiến hành thu giữ toàn bộ số ma túy trên. (bút lục 82-99; 127-142).

Đối với người đàn ông tên T và người thanh niên giao ma túy cho C tại phòng 207 nhà nghỉ C, C khai không biết địa chỉ cụ thể ở đâu, Cơ quan điều tra đã xác minh số điện thoại C khai của T, của người giao ma túy cho C nhưng không xác định được, ngoài lời khai của C không có chứng cứ nào khác nên Cơ quan điều tra không xác định được các đối tượng này.

Về 03 chiếc điện thoại thu giữ của C, quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 5 và Nokia là của C chỉ để sử dụng liên hệ cá nhân. Còn chiếc điện thoại nhãn hiệu Sam sung là do ngày 29/9/2017, điện thoại của C bị hết pin nên C đã mượn chiếc điện thoại này của chị Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1976 ở tổ 6, cụm 2, phường H, quận T, thành phố Hà Nội để sử dụng liên lạc mua ma túy của T nhưng không nói cho Vân A biết. Hiện chị Vân A đề nghị trả lại chiếc điện thoại này.

Về số tiền 71.000.000 đồng và 01 ví da bên trong có 02 thẻ ATM, 02 giấy phép lái xe, 01 thẻ bảo hiểm y tế thu giữ của C. Quá trình điều tra xác định số tiền 70.000.000 đồng là do C cầm cố chiếc xe ô tô BKS 34A- 120.19 của C mà có; 01 ví da bên trong có 02 thẻ ATM, 02 giấy phép lái xe, 01 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Phạm Đức C. Ngày 15/10/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại 70.000.000 đồng và 01 ví da bên trong có 02 thẻ ATM, 02 giấy phép lái xe, 01 thẻ bảo hiểm y tế cho ông Phạm Đức H, sinh năm 1952, trú quán tại số nhà 10, ngõ 17, đường Y, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương là bố đẻ C. (bút lục 173; 177-178).

Bản cáo trạng số 03/CT-VKS-P1 ngày 09/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Phạm Đức C về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra có trong hồ sơ vụ án, bị cáo cũng thừa nhận hành vi phạm tội của mình là đúng, không oan như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Qua thẩm vấn tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu lời luận tội vẫn giữ nguyên cáo trạng đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Đức C phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và đề nghị:

Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo: Phạm Đức C từ 17 năm đến 17 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/9/2017. Phạt bổ sung 05 triệu đồng.

Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng, án phí.

Luật sư Giáp Văn Đ phát biểu luận cứ bào chữa cho bị cáo: Hoàn toàn đồng ý về tội danh như Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Về hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo như trên là quá nặng. Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, mẹ bị cáo là thương binh, bố mẹ được tặng thưởng nhiều huân huy chương. Mục đích tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo chỉ để sử dụng phục vụ công việc lái xe taxi. Do vậy, đề nghị HĐXX xem xét xử phạt bị cáo 15 năm tù để đảm bảo sự khoan hồng của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có ý kiến: không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố xét xử: Kể từ khi khởi tố vụ án hình sự, trong giai đoạn điều tra, truy tố vụ án, HĐXX thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho bị cáo đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, Kiểm sát viên và Luật sư bào chữa cho bị cáo thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, không có hành vi, quyết định tố tụng nào vi phạm tố tụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, tuy nhiên họ đã có lời khai ở trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt họ không ảnh hưởng tới việc xét xử do vậy HĐXX quyết định tiếp tục xét xử.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Phạm Đức C thừa nhận số ma túy mà Cơ quan điều tra đã thu giữ khi bị bắt quả tang, xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu được, phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy đã có đủ cơ sở để kết luận:

Hồi 20 giờ 50 phút ngày 29/9/2017, tại đường quốc lộ 31, ngã tư Cây xăng thuộc thôn Đ, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố B, tỉnh Bắc Giang bắt quả tang Phạm Đức C, sinh năm 1987, trú quán tại số nhà 10, ngõ 17, đường Y, phường H, thành phố H, tỉnh Hải

Dương đang có hành vi tàng trữ trái phép 404,26 gam ma túy Methamphetamine với mục đích để sử dụng.

Tại kết luận giám định số 5755/C54(TT2) ngày 24/11/2017 của Viện khoa học hình sự- Tổng cục cảnh sát kết luận hàm lượng Methamphetamine trung bình trong các mẫu kí hiệu “Số 01”, “Số 02” và “Số 03” gửi đi giám định lần lượt là 70,5%; 15,6% và 70,5%. Như vậy, sau khi giám định hàm lượng số ma túy Methamphetamine tính ra là: $(158,876 \times 70,5\%) + (4,943 \times 15,6\%) + (240,441 \times 70,5\%) = 282,289 \text{ gam}$.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất gây nghiện. Ma túy là hiểm họa của xã hội, là nguồn gốc phát sinh của nhiều tội phạm, có ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, kinh tế, hạnh phúc của con người. Sử dụng trái phép chất ma túy có thể dẫn đến chết người, làm lây truyền căn bệnh thế kỷ HIV-AIDS. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo đã tàng trữ trái phép các chất ma túy ở thể rắn là **282,289 gam** ma túy Methamphetamine. Nếu không giám định hàm lượng chất ma túy thu giữ của bị cáo thì áp dụng Bộ luật hình sự mới 2015 có lợi hơn đối với bị cáo, tuy nhiên sau khi giám định hàm lượng chất ma túy thì áp dụng Bộ luật hình sự 1999 sẽ có lợi hơn đối với bị cáo. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Phạm Đức C phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

[3] Xét về nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phạm Đức C không có tiền án, tiền sự. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bố mẹ đẻ của bị cáo là ông Phạm Đức H và bà Nguyễn Thị H là người có công với nước được Nhà nước tặng thưởng huân chương, mẹ bị cáo là thương binh. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p, khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999; Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4] Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian dài, để giáo dục riêng đối với bị cáo và góp phần răn đe phòng ngừa tội phạm về ma túy nói chung.

Tại biên bản xác minh ngày 30/9/2017 của cơ quan điều tra (bút lục 40) thể hiện bị cáo C không có công việc ổn định, không có điều kiện kinh tế để thi hành hình phạt tiền. Tuy nhiên quá trình điều tra xác định số tiền 70 triệu đồng là do C cầm cố chiếc xe ô tô BKS 34A-120.19 của C mà có. Như vậy, việc xác minh của cơ quan điều tra là không trùng khớp, không đúng. Việc cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B trả lại 70 triệu đồng cho ông Phạm Đức H là bố đẻ bị cáo C là không đúng, mà cần tạm giữ số tiền 70 triệu đồng để đảm bảo thi hành án. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B cần rút kinh nghiệm.

Cần phải áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với bị cáo để đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật.

[5] Về nguồn gốc số ma túy đã thu giữ: Theo C khai là mua của người đàn ông tên là T nhưng C không biết địa chỉ ở đâu. Cơ quan điều tra đã xác minh số

điện thoại của người đàn ông tên là Tú và người thanh niên đã giao ma túy cho C tại phòng 207 nhà nghỉ C nhưng không xác định được. Ngoài lời khai của C không có chứng cứ nào khác nên Cơ quan điều tra không xác định được các đối tượng này.

Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Xét thấy những người này đã được triệu tập hợp lệ và đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[6] Về xử lý vật chứng: Số ma túy thu giữ là vật cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5, Imei ba số cuối là 180; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu hồng đỏ có Imei 1: 351873/07/935114/9 bị cáo C chỉ dùng để liên lạc cá nhân và 01 triệu đồng thu giữ của bị cáo C, không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo cần trả lại cho bị cáo, song cần tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 túi đeo bằng da màu đen có quai đeo; một con dao nhọn bằng kim loại, một lưỡi sắc, cán dao bằng gỗ bọc ngoài bằng kim loại không có giá trị sử dụng cần bị tịch thu và tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Sam sung màu trắng, màn hình bị vỡ có số Imei dãy cuối là 2456687 bị cáo mượn của chị Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1976 ở tổ 6, cụm 2, phường H, quận T, thành phố Hà Nội để liên lạc mua ma túy nhưng chị Vân A không biết việc này, nay chị Vân A đề nghị được trả lại chiếc điện thoại này nên cần trả lại cho chị Vân A.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Phạm Đức C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Áp dụng điểm e khoản 3 và khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 135, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1. Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử phạt: bị cáo Phạm Đức C 16 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 30/9/2017. Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

[2] Vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

+ Tịch thu, tiêu hủy một phong bì số 5755/C54 (TT2) của Tổng cục Cảnh sát PCTP-Bộ Công an, được dán kín niêm phong bằng dấu và chữ ký của Hà Hoàng L, bên trong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định.

+ Tịch thu, tiêu hủy 01 túi đeo bằng da màu đen có quai đeo; 01 dao nhọn bằng kim loại, một lưỡi sắc, cán dao bằng gỗ bọc ngoài bằng kim loại màu vàng, vỏ đựng lưỡi dao bằng gỗ dán kín, bên ngoài bằng băng dính màu đen.

+ Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu hồng đỏ có Imei 1: 351873/07/935114/9 và Imei2: 351873/07/935115/6; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone có Imei: 013631002678180 và 01 triệu đồng, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

+ Trả lại cho chị Nguyễn Thị Vân A 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung màu trắng, màn hình bị vỡ, có số Imei1: 359454072456680/01 và Imei2: 359455072456687/01.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có quyết định thi hành án dân sự đối với khoản tiền phạt bổ sung, bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[3] Án phí: Bị cáo Phạm Đức C phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm .

[4] Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Công an tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo, người bào chữa;
- Người TGTT vắng mặt;
- Lưu HS, TT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Dung

